

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN THEO PHƯƠNG THỨC 4 – NĂM 2020

(Đính kèm Thông báo số 2492/TB-ĐHCT, ngày 16/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

STT	MSSV	Họ tên	Ngành trúng tuyển	Loại điểm xét tuyển	Điểm xét tuyển
1	B2005638	LÊ NGỌC TUYỀN	Công nghệ kỹ thuật hóa học - CTCLC	Điểm thi	24,50
2	B2016704	TRẦN NGUYỄN TUỜNG KHANH	Công nghệ kỹ thuật hóa học - CTCLC	Điểm thi	23,45
3	B2012598	NGUYỄN ANH KIẾT	Công nghệ sinh học - CTTT	Điểm thi	25,70
4	B2010786	TRẦN LÊ MINH THUẬN	Công nghệ sinh học - CTTT	Điểm thi	24,70
5	B2010641	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	Công nghệ sinh học - CTTT	Điểm thi	24,45
6	B2010754	BÙI THỊ THẢO NHƯ	Công nghệ sinh học - CTTT	Điểm thi	23,80
7	B2010500	TRẦN NGUYỄN LIÊN CHÂU	Công nghệ sinh học - CTTT	Điểm thi	22,50
8	B2015052	NGUYỄN HOÀNG TRỌNG	Công nghệ sinh học - CTTT	Điểm thi	20,45
9	B2005718	HUỖNH VĂN KHẢI	Công nghệ thông tin - CTCLC	Điểm học bạ	26,80
10	B2014748	LÂM HOÀNG KHANG	Công nghệ thông tin - CTCLC	Điểm thi	26,40
11	B2012022	NGŨ CÔNG KHANH	Công nghệ thông tin - CTCLC	Điểm thi	26,15
12	B2005363	LÊ NGUYỄN NGỌC QUYÊN	Công nghệ thông tin - CTCLC	Điểm học bạ	24,44
13	B2014660	NGUYỄN MINH KHA	Công nghệ thông tin - CTCLC	Điểm thi	24,30
14	B2004788	HUỖNH TUẤN KIẾT	Công nghệ thông tin - CTCLC	Điểm học bạ	24,24
15	B2014658	TRIỆU GIA HUY	Công nghệ thông tin - CTCLC	Điểm thi	23,75
16	B2013343	MẠC HỒNG VŨ	Công nghệ thông tin - CTCLC	Điểm thi	23,65
17	B2017065	DƯƠNG THỊ YẾN NHI	Công nghệ thông tin - CTCLC	Điểm thi	23,40
18	B2005789	NGUYỄN ĐẠT PHƯƠNG DUNG	Công nghệ thông tin - CTCLC	Điểm thi	23,35
19	B2003791	LÊ MINH Mẫn	Công nghệ thông tin - CTCLC	Điểm thi	23,25
20	B2011117	NGUYỄN Ý NHI	Công nghệ thông tin - CTCLC	Điểm học bạ	22,92
21	B2011915	LÊ ĐÌNH CHÁNH QUY	Công nghệ thông tin - CTCLC	Điểm thi	22,80
22	B2012038	NGUYỄN ANH QUÂN	Công nghệ thông tin - CTCLC	Điểm thi	21,55
23	B2001770	NGUYỄN LÊ KIM THOA	Công nghệ thông tin - CTCLC	Điểm thi	20,20
24	B2014519	NGUYỄN MINH THÂN	Công nghệ thông tin - CTCLC	Điểm thi	20,20
25	B2007787	LÊ THỊ NGỌC ĐẾN	Công nghệ thực phẩm - CTCLC	Điểm thi	25,50
26	B2003416	NGUYỄN HOÀNG TUỜNG ANH	Công nghệ thực phẩm - CTCLC	Điểm học bạ	25,06

STT	MSSV	Họ tên	Ngành trúng tuyển	Loại điểm xét tuyển	Điểm xét tuyển
27	B2007765	PHAN THỊ YẾN VY	Công nghệ thực phẩm - CTCLC	Điểm thi	23,60
28	B2011069	TRẦN NGỌC MAI	Công nghệ thực phẩm - CTCLC	Điểm học bạ	22,76
29	B2010486	NGUYỄN HOÀNG YẾN VI	Công nghệ thực phẩm - CTCLC	Điểm thi	21,85
30	B2011489	LÊ CHÍ THÀNH	Công nghệ thực phẩm - CTCLC	Điểm thi	20,15
31	B2005055	HUỖNH THỊ MỸ QUYÊN	Kinh doanh quốc tế - CTCLC	Điểm học bạ	26,64
32	B2015508	VÕ THANH TRÚC	Kinh doanh quốc tế - CTCLC	Điểm thi	26,45
33	B2009296	NGUYỄN THỊ MỸ HUYỀN	Kinh doanh quốc tế - CTCLC	Điểm học bạ	26,18
34	B2008812	VŨ HẢI PHƯƠNG	Kinh doanh quốc tế - CTCLC	Điểm học bạ	25,26
35	B2009158	LÊ NGUYỄN TRƯỜNG AN	Kinh doanh quốc tế - CTCLC	Điểm học bạ	25,26
36	B2009834	NGUYỄN KHÁNH VI	Kinh doanh quốc tế - CTCLC	Điểm học bạ	24,54
37	B2005355	LÂM THANH NHI	Kinh doanh quốc tế - CTCLC	Điểm thi	24,20
38	B2010626	NGUYỄN ANH THY	Kinh doanh quốc tế - CTCLC	Điểm học bạ	24,20
39	B2013857	VÕ NGUYỄN MINH THU	Kinh doanh quốc tế - CTCLC	Điểm học bạ	24,16
40	B2015868	TRẦN THỊ THANH TUYỀN	Kinh doanh quốc tế - CTCLC	Điểm thi	24,15
41	B2007709	PHẠM THỊ THANH MAI	Kinh doanh quốc tế - CTCLC	Điểm thi	24,10
42	B2017101	ĐẶNG LAN CHI	Kinh doanh quốc tế - CTCLC	Điểm thi	24,05
43	B2012263	TÔN HÙNG THỊNH	Kinh doanh quốc tế - CTCLC	Điểm thi	23,60
44	B2011919	HỒ NGỌC MINH THO	Kinh doanh quốc tế - CTCLC	Điểm thi	23,55
45	B2015011	TRẦN TẤN THÀNH	Kinh doanh quốc tế - CTCLC	Điểm thi	23,50
46	B2011892	NGUYỄN QUANG KHÔI	Kinh doanh quốc tế - CTCLC	Điểm thi	23,45
47	B2015562	TRẦN NGUYỄN HỒNG NGỌC	Kinh doanh quốc tế - CTCLC	Điểm thi	23,15
48	B2013229	TRẦN MINH HIẾU	Kinh doanh quốc tế - CTCLC	Điểm thi	23,10
49	B2012610	NGUYỄN THỊ NGỌC HỒNG THẨM	Kỹ thuật Điện - CTCLC	Điểm thi	22,75
50	B2012931	TRẦN MINH SANG	Kỹ thuật Điện - CTCLC	Điểm thi	18,90
51	B2011384	LÝ THÁI BẢO	Kỹ thuật xây dựng - CTCLC	Điểm học bạ	21,40
52	B2009546	HUỖNH NGUYỄN KHOA	Kỹ thuật xây dựng - CTCLC	Điểm thi	20,85
53	B2016914	NGUYỄN NGỌC THANH NGÂN	Kỹ thuật xây dựng - CTCLC	Điểm thi	20,80
54	B2012909	LƯƠNG TUẤN KIẾT	Kỹ thuật xây dựng - CTCLC	Điểm thi	19,20
55	B2013801	PHAN TUYẾT ANH	Kỹ thuật xây dựng - CTCLC	Điểm thi	19,15
56	B2012934	PHÙNG PHƯỚC THẠNH	Kỹ thuật xây dựng - CTCLC	Điểm thi	16,55
57	B2009408	NGUYỄN HOÀNG QUẾ PHƯƠNG	Kỹ thuật xây dựng - CTCLC	Điểm thi	15,90

STT	MSSV	Họ tên	Ngành trúng tuyển	Loại điểm xét tuyển	Điểm xét tuyển
58	B2004737	HUỖNH THỊ NHƯ NGỌC	Ngôn ngữ Anh - CTCLC	Điểm học bạ	26,34
59	B2008954	VÕ NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Ngôn ngữ Anh - CTCLC	Điểm thi	24,60
60	B2005191	VÕ THỊ THÙY TRANG	Ngôn ngữ Anh - CTCLC	Điểm học bạ	24,54
61	B2014127	QUÁCH DƯƠNG NGỌC TRÂM	Ngôn ngữ Anh - CTCLC	Điểm thi	24,45
62	B2014128	TRẦN NGỌC BẢO TRÂN	Ngôn ngữ Anh - CTCLC	Điểm học bạ	24,28
63	B2002077	NGUYỄN HUY	Ngôn ngữ Anh - CTCLC	Điểm thi	23,90
64	B2014105	HỨA NGỌC HÂN	Ngôn ngữ Anh - CTCLC	Điểm thi	23,90
65	B2003314	PHAN NGỌC BÍCH TRÂM	Ngôn ngữ Anh - CTCLC	Điểm thi	23,45
66	B2014245	TRẦN KIM NGÂN	Ngôn ngữ Anh - CTCLC	Điểm thi	23,45
67	B2017129	ĐẶNG NGỌC ANH PHƯƠNG	Ngôn ngữ Anh - CTCLC	Điểm thi	21,25
68	B2005167	NGÔ DUY HÙNG	Ngôn ngữ Anh - CTCLC	Điểm thi	20,85
69	B2017119	TRƯƠNG NGỌC NGÂN	Ngôn ngữ Anh - CTCLC	Điểm thi	20,80
70	B2009420	LÊ HỒNG THẨM	Ngôn ngữ Anh - CTCLC	Điểm thi	20,50
71	B2001121	PHAN TRƯỜNG CHINH	Nuôi trồng thủy sản - CTTT	Điểm học bạ	24,50
72	B2001080	VƯƠNG THÙY MỸ	Nuôi trồng thủy sản - CTTT	Điểm học bạ	24,30
73	B2014877	CHUNG QUỐC THÁI	Nuôi trồng thủy sản - CTTT	Điểm thi	23,65
74	B2008175	PHAN MỘNG LINH	Nuôi trồng thủy sản - CTTT	Điểm thi	21,95
75	B2009382	NGUYỄN NGỌC DIỄM MỸ	Nuôi trồng thủy sản - CTTT	Điểm thi	18,45
76	B2001800	MAI THANH BẰNG	Tài chính - Ngân hàng - CTCLC	Điểm học bạ	25,72
77	B2015195	TRẦN HẠNH NGUYỄN	Tài chính - Ngân hàng - CTCLC	Điểm học bạ	25,42
78	B2012780	NGUYỄN MINH TIẾN	Tài chính - Ngân hàng - CTCLC	Điểm học bạ	24,68
79	B2012562	ĐỖ THỊ MỘNG KHƯƠNG	Tài chính - Ngân hàng - CTCLC	Điểm thi	23,75
80	B2005216	NGUYỄN NGỌC KIM NGÂN	Tài chính - Ngân hàng - CTCLC	Điểm học bạ	23,42
81	B2010458	PHAN NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Tài chính - Ngân hàng - CTCLC	Điểm học bạ	23,20
82	B2011879	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	Tài chính - Ngân hàng - CTCLC	Điểm thi	23,00
83	B2012228	PHAN THỊ NGUYỆT MINH	Tài chính - Ngân hàng - CTCLC	Điểm thi	22,40
84	B2006678	NGUYỄN LAN ANH	Tài chính - Ngân hàng - CTCLC	Điểm học bạ	22,34
85	B2011880	ĐỖ TUYẾT ANH	Tài chính - Ngân hàng - CTCLC	Điểm thi	21,35
86	B2007280	NGUYỄN TRẦN THÁI DƯƠNG	Tài chính - Ngân hàng - CTCLC	Điểm học bạ	21,34

Tổng cộng danh sách có 86 sinh viên trúng tuyển./.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

ĐẠI HỌC CẦN THƠ

MAH